

Số: 2335 /QĐ-UBND

Huế, ngày 26 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Xây dựng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 1069/QĐ-BXD ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Bộ Xây dựng về việc ban hành danh mục thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3555/TTr-SXD ngày 23 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục 213 dịch vụ công trực tuyến (bao gồm: 129 dịch vụ công trực tuyến toàn trình, 84 dịch vụ công trực tuyến một phần) thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Xây dựng thành phố Huế. (Phụ lục danh mục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố kiểm tra, theo dõi việc cập nhật, tái cấu trúc quy trình điện tử các dịch vụ công trực tuyến lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) của thành phố theo quy định.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

a) Bảo đảm kỹ thuật, an toàn thông tin cho Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của thành phố;

b) Phối hợp với Sở Xây dựng và các Trung tâm Phục vụ hành chính công để cấu hình quy trình điện tử, biểu mẫu điện tử, chữ ký điện tử và các giải pháp kỹ thuật liên quan để triển khai hiệu quả các dịch vụ công theo Danh mục dịch vụ công toàn trình, một phần tại Quyết định này;

c) Hỗ trợ, hướng dẫn các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND thành phố, UBND cấp xã thực hiện cấu hình quy trình xử lý dịch vụ công khi có yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung.

3. Sở Xây dựng, UBND cấp xã có trách nhiệm::

a) Cập nhật các dịch vụ công trực tuyến đã được ban hành kèm theo Quyết định này thuộc phạm vi chức năng quản lý trên phần mềm Hệ thống cơ sở dữ liệu TTHC thành phố Huế theo quy định;

b) Trên cơ sở Quyết định công bố danh mục TTHC được ban hành Sở Xây dựng chủ động phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố rà soát, tham mưu đề xuất sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ công trực tuyến để nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn thành phố;

c) Căn cứ danh mục TTHC được phê duyệt tại Quyết định này, tổ chức triển khai thực hiện, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền và đề ra các giải pháp cụ thể để thực hiện hiệu quả việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn thành phố, đảm bảo số lượng hồ sơ giao dịch phát sinh đạt tỷ lệ theo quy định;

d) Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện rà soát, đánh giá, tái cấu trúc quy trình TTHC và tiến hành kiểm thử để tích hợp, công khai các dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thay thế Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2024 của Chủ tịch UBND thành phố Huế về việc ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Xây dựng.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- CT và các PCT UBND thành phố;
- VPUBND: CVP, các PCVP;
- Trung tâm PVHCC thành phố, cấp xã;
- Cổng TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, KSKT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Hải Minh

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH VÀ MỘT PHẦN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ XÂY DỰNG
(Kèm theo Quyết định số: 2335 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Trực tuyến toàn trình ¹	Trực tuyến một phần ²
	TỔNG CỘNG		129	84
A	CẤP TỈNH		110	67
I	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội		01	
1	Xóa nhà tạm cho hộ nghèo <i>(1.011831)</i>	Cấp tỉnh	x	
II	Lĩnh vực Đăng kiểm			02
2	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy <i>(1.013105)</i>	Cấp tỉnh		x
3	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy <i>(1.013110)</i>	Cấp tỉnh		x
III	Lĩnh vực Đường bộ		42	08
4	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ <i>(1.000028)</i>	Cấp tỉnh	X	
5	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia <i>(1.000302)</i>	Cấp tỉnh	x	
6	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác <i>(1.000314)</i>	Cấp tỉnh	x	
7	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia <i>(1.000321)</i>	Cấp tỉnh	x	
8	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác <i>(1.000660)</i>	Cấp tỉnh		x
9	Công bố lại bến xe khách <i>(1.000672)</i>	Cấp tỉnh		x
10	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ <i>(1.000703)</i>	Cấp tỉnh	x	
11	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia <i>(1.001023)</i>	Cấp tỉnh	x	
12	Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác <i>(1.001046)</i>	Cấp tỉnh	x	
13	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác <i>(1.001061)</i>	Cấp tỉnh	x	
14	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia <i>(1.001577)</i>	Cấp tỉnh	x	
15	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo và thay đổi địa điểm đào tạo <i>(1.001623)</i>	Cấp tỉnh		x

¹ Theo Khoản 1, Điều 13 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ

² Theo Khoản 2, Điều 13 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Thực tuyển toàn trình ¹	Thực tuyển một phần ²
16	Chấp thuận cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ (1.001666)	Cấp tỉnh	x	
17	Cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ (1.001692)	Cấp tỉnh	x	
18	Cấp lại chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ (1.001717)	Cấp tỉnh	x	
19	Cấp đổi chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ (1.001725)	Cấp tỉnh	x	
20	Cấp bổ sung xe tập lái, cấp lại Giấy phép xe tập lái (1.001751)	Cấp tỉnh		x
21	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (1.001765)	Cấp tỉnh		x
22	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe, cấp Giấy phép xe tập lái (1.001777)	Cấp tỉnh		x
23	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS (1.002046)	Cấp tỉnh	x	
24	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào (1.002063)	Cấp tỉnh	x	
25	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (1.002268)	Cấp tỉnh	x	
26	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia (1.002286)	Cấp tỉnh	x	
27	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc (1.002334)	Cấp tỉnh	x	
28	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD (1.002817)	Cấp tỉnh	x	
29	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS (1.002829)	Cấp tỉnh	x	
30	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào (1.002847)	Cấp tỉnh	x	
31	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào (1.002856)	Cấp tỉnh	x	
32	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào (1.002861)	Cấp tỉnh	x	
33	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (1.002877)	Cấp tỉnh	x	
34	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (1.004993)	Cấp tỉnh	X	

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Thực tuyến toàn trình ¹	Thực tuyến một phần ²
35	Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưỡi chở hành khách và xe ô tô (1.005021)	Cấp tỉnh	x	
36	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi về tên của cơ sở đào tạo (1.005210)	Cấp tỉnh	X	
37	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN (1.010702)	Cấp tỉnh	x	
38	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN (1.010704)	Cấp tỉnh	x	
39	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới (1.010707)	Cấp tỉnh	x	
40	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác (1.013061)	Cấp tỉnh	x	
41	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ (1.013259)	Cấp tỉnh	X	
42	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép (1.013260)	Cấp tỉnh	X	
43	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ (1.013261)	Cấp tỉnh	X	
44	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác (1.013274)	Cấp tỉnh		x
45	Chấp thuận bổ sung vị trí nút giao đầu nối vào đường cao tốc (1.013276)	Cấp tỉnh	x	
46	Chấp thuận đầu nối đối với trường hợp kết nối với đường bộ không có trong các quy hoạch (1.013277)	Cấp tỉnh		x
47	Cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ (trường hợp cơ sở đào tạo đã cấp chứng chỉ không còn hoạt động) (2.000769)	Cấp tỉnh	x	
48	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam (2.001034)	Cấp tỉnh	x	

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Thực tuyển toàn trình ¹	Thực tuyển một phần ²
49	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cố động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ (2.001921)	Cấp tỉnh	x	
50	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định (2.002285)	Cấp tỉnh	x	
51	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi (2.002286)	Cấp tỉnh	x	
52	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng (2.002287)	Cấp tỉnh	x	
53	Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải (2.002288)	Cấp tỉnh	x	
IV	Lĩnh vực Đường sắt		06	
54	Bãi bỏ đường ngang (1.000294)	Cấp tỉnh	x	
55	Gia hạn giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối các tuyến đường sắt (1.004681)	Cấp tỉnh	x	
56	Cấp Giấy phép kết nối các tuyến đường sắt (1.004685)	Cấp tỉnh	x	
57	Chấp thuận chủ trương kết nối các tuyến đường sắt (1.004691)	Cấp tỉnh	X	
58	Gia hạn giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang (1.005058)	Cấp tỉnh	x	
59	Cấp Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang (1.005126)	Cấp tỉnh	x	
V	Lĩnh vực Giám định tư pháp		02	
60	Bỏ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương (2.001116)	Cấp tỉnh	x	
61	Miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương (1.011675)	Cấp tỉnh	x	
VI	Lĩnh vực Hải quan			01
62	Thủ tục xác nhận vật tư, thiết bị là hàng hóa nhập khẩu phục vụ dự án chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây không nung nhẹ và sản xuất gạch xi măng - cốt liệu công suất từ 10 triệu viên quy tiêu chuẩn/năm trở lên thuộc Nhóm 98.22 (1.011729)	Cấp tỉnh		x

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Thực tuyển toàn trình ¹	Thực tuyển một phần ²
VII	Lĩnh vực Hàng hải và đường thủy		32	18
63	Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng trên đường thủy nội địa (1.000344)	Cấp tỉnh	x	
64	Phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển (1.000892)	Cấp tỉnh		x
65	Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động (1.000940)	Cấp tỉnh		x
66	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải (1.001223)	Cấp tỉnh		x
67	Đổi tên cảng cạn (1.001870)			x
68	Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn (1.003135)	Cấp tỉnh	X	
69	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện (1.003930)	Cấp tỉnh		x
70	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện (1.003970)	Cấp tỉnh	X	
71	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện (1.004002)	Cấp tỉnh	X	
72	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa (1.004036)	Cấp tỉnh		x
73	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa (1.004047)	Cấp tỉnh		x
74	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa (1.004088)	Cấp tỉnh		x
75	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa (1.004242)	Cấp tỉnh	x	
76	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác (1.006391)	Cấp tỉnh	X	
77	Quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động (1.007949)	Cấp tỉnh		x
78	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa (1.009442)	Cấp tỉnh	x	
79	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu (1.009443)	Cấp tỉnh	x	
80	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa (1.009444)	Cấp tỉnh	x	
81	Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa (1.009445)	Cấp tỉnh	x	

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Thực tuyển toàn trình ¹	Thực tuyển một phần ²
82	Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa (1.009446)	Cấp tỉnh	x	
83	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa (1.009447)	Cấp tỉnh	x	
84	Thiết lập khu neo đậu (1.009448)	Cấp tỉnh		x
85	Công bố hoạt động khu neo đậu (1.009449)	Cấp tỉnh	X	
86	Công bố đóng khu neo đậu (1.009450)	Cấp tỉnh	x	
87	Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa (1.009451)	Cấp tỉnh	x	
88	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa (1.009456)	Cấp tỉnh		x
89	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không còn nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài (1.009458)	Cấp tỉnh	x	
90	Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương (1.009459)	Cấp tỉnh	x	
91	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng (1.009460)	Cấp tỉnh	X	
92	Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng (1.009461)	Cấp tỉnh	x	
93	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa (1.009462)	Cấp tỉnh	X	
94	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa (1.009463)	Cấp tỉnh	X	
95	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa (1.009464)	Cấp tỉnh	x	
96	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông (1.009465)	Cấp tỉnh	x	
97	Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn (1.013466)	Cấp tỉnh	x	
98	Phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động (1.013467)	Cấp tỉnh	x	
99	Chấm dứt hoạt động tàu lặn (1.013468)	Cấp tỉnh	x	
100	Cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ (2.000378)	Cấp tỉnh		x
101	Đăng ký vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo (2.000795)	Cấp tỉnh		x

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Thực tuyển toàn trình ¹	Thực tuyển một phần ²
102	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải (2.001219)	Cấp tỉnh	x	
103	Xóa đăng ký phương tiện (2.001659)	Cấp tỉnh	X	
104	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật (2.001711)	Cấp tỉnh		x
105	Chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển (2.001802)	Cấp tỉnh	x	
106	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (2.001998)	Cấp tỉnh		x
107	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (2.002001)	Cấp tỉnh		x
108	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa (2.002615)	Cấp tỉnh	X	
109	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép (2.002616)	Cấp tỉnh	X	
110	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa do bị mất, bị hỏng (2.002617)	Cấp tỉnh	X	
111	Chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương (2.002624)	Cấp tỉnh		x
112	Công bố khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ (2.002625)	Cấp tỉnh		x
VIII	Lĩnh vực Hoạt động xây dựng		05	09
113	Công nhận tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III/chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III cho hội viên của mình (1.013223)	Cấp tỉnh		x
114	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh (1.013239)	Cấp tỉnh		x
115	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh (1.013234)	Cấp tỉnh		x

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Thực tuyển toàn trình ¹	Thực tuyển một phần ²
116	Cấp giấy phép xây dựng mới công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) (1.013236)	Cấp tỉnh		x
117	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) (1.013238)	Cấp tỉnh		x
118	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và cấp II (Công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) (1.013230)	Cấp tỉnh		x
119	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) (1.013231)	Cấp tỉnh		x
120	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) (1.013233)	Cấp tỉnh		x
121	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) (1.013235)	Cấp tỉnh		x
122	Cấp mới chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (1.013237)	Cấp tỉnh	X	
123	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (1.013217)	Cấp tỉnh	X	

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Thực tuyển toàn trình ¹	Thực tuyển một phần ²
124	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (1.013219)	Cấp tỉnh	X	
125	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài (1.013222)	Cấp tỉnh	X	
126	Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài (1.013224)	Cấp tỉnh	X	
IX	Lĩnh vực Kinh doanh bất động sản		04	06
127	Cấp giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (1.012900)	Cấp tỉnh	X	
128	Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy, bị tiêu hủy, bị hỏng) (1.012901)	Cấp tỉnh	X	
129	Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp thay đổi thông tin của sàn) (1.012902)	Cấp tỉnh	X	
130	Thông báo quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong dự án bất động sản đủ điều kiện chuyển nhượng cho cá nhân tự xây dựng nhà ở (1.012903)	Cấp tỉnh		x
131	Đăng ký cấp quyền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.012904)	Cấp tỉnh	X	
132	Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua (1.012905)	Cấp tỉnh		x
133	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (1.012906)	Cấp tỉnh		x
134	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (trong trường hợp chứng chỉ bị cháy, bị mất, bị rách, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng khác) (1.012907)	Cấp tỉnh		x
135	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (trong trường hợp chứng chỉ cũ đã hết hạn hoặc gần hết hạn) (1.012910)	Cấp tỉnh		x
136	Cho phép chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản (1.013777)	Cấp tỉnh		x
X	Lĩnh vực Nhà ở và công sở		03	15
137	Thông báo đủ điều kiện được huy động vốn thông qua việc góp vốn, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh, liên doanh, liên kết của các tổ chức và cá nhân để phát triển nhà ở (1.012882)	Cấp tỉnh		x
138	Chuyển đổi công năng nhà ở đối với nhà ở xây dựng trong dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh (1.012883)	Cấp tỉnh		x

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Thực tuyển toàn trình¹	Thực tuyển một phần²
139	Thông báo đơn vị đủ điều kiện quản lý vận hành nhà chung cư đối với trường hợp nộp hồ sơ tại Sở Xây dựng (1.012884)	Cấp tỉnh	X	
140	Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư làm chủ đầu tư đối với dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công (1.012885)	Cấp tỉnh		x
141	Điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư làm chủ đầu tư đối với dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công (1.012886)	Cấp tỉnh		x
142	Đề xuất cơ chế ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 198 của Luật Nhà ở 2023 (1.012887)	Cấp tỉnh	X	
143	Gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài (1.012890)	Cấp tỉnh	X	
144	Cho thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương (1.012891)	Cấp tỉnh		x
145	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp chưa có hợp đồng thuê nhà ở (1.012892)	Cấp tỉnh		x
146	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp nhận chuyển quyền thuê nhà ở (1.012897)	Cấp tỉnh		x
147	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp ký lại hợp đồng thuê (1.012898)	Cấp tỉnh		x
148	Bán nhà ở cũ thuộc tài sản công (1.012893)	Cấp tỉnh		x
149	Giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung của nhà ở cũ thuộc tài sản công (1.012894)	Cấp tỉnh		x
150	Cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội do Nhà nước đầu tư xây dựng bằng vốn đầu tư công (1.012896)	Cấp tỉnh		x
151	Chuyển đổi công năng nhà ở không thuộc tài sản công (1.013769)	Cấp tỉnh		x
152	Thủ tục giao chủ đầu tư không thông qua đấu thầu đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc có văn bản pháp lý tương đương (3000506)	Cấp tỉnh		x
153	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội chưa được chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc chưa có văn bản pháp lý tương đương (3000507)	Cấp tỉnh		x

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Thực tuyển toàn trình ¹	Thực tuyển một phần ²
154	Thủ tục điều chỉnh quyết định giao chủ đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội (3000508)	Cấp tỉnh		x
XII	Lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình			03
155	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh (1.009788)	Cấp tỉnh		x
156	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ) (1.009791)	Cấp tỉnh		x
157	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương (1.009794)	Cấp tỉnh		x
XIII	Lĩnh vực Quản lý công sản		01	
158	Giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng (1.011769)	Cấp tỉnh	X	
XIV	Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng, kiến trúc		07	02
159	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh (1.002701)	Cấp tỉnh		x
160	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh (1.003011)	Cấp tỉnh		x
161	Cung cấp thông tin về Quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh (1.008432)	Cấp tỉnh	x	
162	Cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc (1.008891)	Cấp tỉnh	x	
163	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc (do chứng chỉ hành nghề bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc) (1.008989)	Cấp tỉnh	x	
164	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề (1.008990)	Cấp tỉnh	x	
165	Gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc (1.008991)	Cấp tỉnh	x	
166	Công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam (1.008992)	Cấp tỉnh	x	
167	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam (1.008993)	Cấp tỉnh	x	
XV	Lĩnh vực Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng		02	02

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Thực tuyển toàn trình ¹	Thực tuyển một phần ²
168	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp: Cấp lần đầu hoặc Giấy chứng nhận hết hạn mà tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng có nhu cầu tiếp tục hoạt động) (1.011705)	Cấp tỉnh		x
169	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (còn thời hạn nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị ghi sai thông tin hoặc tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xin dừng thực hiện một số chỉ tiêu trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng) (1.011708)	Cấp tỉnh	x	
170	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa chỉ, tên của tổ chức trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã được cấp) (1.011710)	Cấp tỉnh	x	
171	Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa điểm đặt phòng thí nghiệm hoặc thay đổi, bổ sung, sửa đổi chỉ tiêu thí nghiệm, tiêu chuẩn thí nghiệm trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng) (1.011711)	Cấp tỉnh		x
XVI	Lĩnh vực Thuế		05	
172	Thủ tục xác định xe thuộc diện không chịu phí, được bù trừ hoặc trả lại tiền phí đã nộp (3.000251)	Cấp tỉnh	x	
173	Thủ tục xác định xe kinh doanh vận tải thuộc doanh nghiệp tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên (3.000252)	Cấp tỉnh	x	
174	Thủ tục đề nghị cấp/cấp lại Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ (3.000253)	Cấp tỉnh	x	
175	Thủ tục đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu (3.000254)	Cấp tỉnh	x	
176	Thủ tục xác định xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ (3.000255)	Cấp tỉnh	x	
XVII	Lĩnh vực Vật liệu xây dựng			01
177	Tiếp nhận công bố sản phẩm, hàng hoá vật liệu xây dựng phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật (1.006871)	Cấp tỉnh		x
B	CẤP XÃ		19	17

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Thực tuyển toàn trình ¹	Thực tuyển một phần ²
I	Lĩnh vực Đường bộ		03	01
178	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác (1.000314)	Cấp xã	x	
179	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác (1.013061)	Cấp xã	x	
180	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác (1.013274)	Cấp xã		x
181	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cố định, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ (2.001921)	Cấp xã	x	
II	Lĩnh vực Hàng hải và đường thủy		15	09
182	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa (1.003658)	Cấp xã	x	
183	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện (1.003930)	Cấp xã		x
184	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện (1.003970)	Cấp xã	X	
185	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện (1.004002)	Cấp xã	X	
186	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa (1.004036)	Cấp xã		x
187	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa (1.004047)	Cấp xã		x
188	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa (1.004088)	Cấp xã		x
189	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung (1.005040)	Cấp xã		x
190	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác (1.006391)	Cấp xã	X	
191	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa (1.009444)	Cấp xã	x	
192	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa (1.009447)	Cấp xã	x	
193	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa (1.009452)	Cấp xã	x	

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Thực tuyển toàn trình ¹	Thực tuyển một phần ²
194	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính (1.009453)	Cấp xã	x	
195	Công bố hoạt động bến thủy nội địa (1.009454)	Cấp xã	x	
196	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính (1.009455)	Cấp xã	x	
197	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông (1.009465)	Cấp xã	x	
198	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước (2.001211)	Cấp xã	X	
199	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước (2.001212)	Cấp xã		x
200	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước (2.001214)	Cấp xã		x
201	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu (2.001215)	Cấp xã		x
202	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát (2.001217)	Cấp xã	x	
203	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát (2.001218)	Cấp xã	x	
204	Xóa đăng ký phương tiện (2.001659)	Cấp xã	X	
205	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật (2.001711)	Cấp xã		x
III	Lĩnh vực Hoạt động xây dựng			06
206	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng (1.013225)	Cấp xã		x
207	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (1.013229)	Cấp xã		x

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Thực tuyển toàn trình ¹	Thực tuyển một phần ²
208	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (1.013232)	Cấp xã		x
209	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (1.013226)	Cấp xã		x
210	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (1.013227)	Cấp xã		x
211	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (1.013228)	Cấp xã		x
IV	Lĩnh vực Nhà ở và công sở			01
212	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư (1.012888)	Cấp xã		x
V	Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng		01	
213	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã (1.008455)	Cấp xã	x	